TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2022/ HNGĐ-ST.

Ngày: 18/8/2022

" V/v Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đinh Cường

2/ Ông Nguyễn Thành Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Thuỷ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.*

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thuỳ T**, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu H tự tìm hiểu được gia đình cha mẹ hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã MA, huyện MT vào ngày 02/3/2020.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà chồng ở xã MA, huyện MT. Đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng

nói chung, thường xuyên cự cải, anh H không phụ kinh tế để nuôi con, bản thân chị và cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên can hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho con, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ đầu năm 2022 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/3/2020, do chị trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Hữu H biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh H không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ T trình bày: Vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H , được trực tiếp nuôi con chung, chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu H vắng mặt không rõ lý do.

Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo luật định hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ T và anh Nguyễn Hữu H qua tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Năm 2021 trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị và anh Hđã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, anh H không đến phiên tòa và không nhận các Quyết định

của Tòa án, thể hiện anh H từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về Con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Thuỳ T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuỳ T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; 228; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

2/Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Thuỳ T trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thuỳ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007116 ngày 16/5/2022. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND xã MA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Thị Linh